

Số: 33 /QĐ-BVĐK

Bắc Kạn, ngày 13 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-SYT ngày 31/12/2021 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn về việc cấp bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện phòng, chống dịch COVID-19 cụ thể như sau:

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như điều 3 (Thực hiện);
- Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn (Báo cáo);
- BGĐ bệnh viện (4);
- Phòng KHTH (Công khai trên trang TTĐT);

Gửi bản giấy:

- Phòng Tài chính kế toán;
- Lưu VT.



Trần Văn Tuyến

Biểu số 03



Phụ lục số 02

DƯ TOÁN CẤP BỔ SUNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19

Mã số sử dụng ngân sách: 1023417

(Kèm theo QĐ số: 33/QĐ-BVĐK ngày 13/01/2022 của GD BVĐK tỉnh)

Đồng

Nội dung	Số tiền
01	02
I. THU SỰ NGHIỆP	-
II. DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH	819.465.000
1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề (423.070)	0
2. Quản lý hành chính (423.340.341)	0
3. Sự nghiệp y tế (423.130)	819.465.000
3.1. Hoạt động Y tế dự phòng (423.130.131)	48.142.000
3.1.1. Kinh phí thường xuyên	
3.1.2. Kinh phí không thường xuyên	48.142.000
- Kinh phí không thường xuyên (12.200)	0
- Kinh phí không thường xuyên (12.201)	-
3.3. Hoạt động khám chữa bệnh (423.130.132)	771.323.000
3.3.1. Kinh phí thường xuyên	
3.3.2. Kinh phí không thường xuyên	771.323.000

